

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của quốc gia; là tư liệu sản xuất đặc biệt, giới hạn về diện tích, hình thể nhưng mức độ sản xuất lại phụ thuộc vào sự đầu tư, hướng khai thác sử dụng của con người. Đất đai, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố và nơi diễn ra mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với quản lý và sử dụng đất đai, UBND huyện Tư Nghĩa đã tiến hành lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất và được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/09/2021; Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 23/02/2021. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã góp phần quan trọng để huyện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đặt ra.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4178/STNMT ngày 06/9/2021 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022; Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện. UBND huyện đã tiến hành xây dựng: **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa”** nhằm xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch. Đồng thời xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án và diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép theo đúng quy định.

### 1. Căn cứ pháp lý thực hiện:

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tư Nghĩa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024);

Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa;

Công văn số 4178/STNMT-QLDD ngày 06/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện;

Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tiếp tục thực hiện thu hồi đất của một số công trình

và thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Cơ sở dữ liệu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022:**

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 23/2/2021.

Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tư Nghĩa;

Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tư Nghĩa;

- Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

- Hồ sơ thống kê đất đai huyện Tư Nghĩa năm 2020.

- Niên giám thống kê năm 2020.

- Báo cáo Đảng bộ huyện năm 2020.

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các địa phương trong năm 2022.

\* Nội dung báo cáo thuyết minh gồm các nội dung sau:

- Đặt vấn đề

- I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

- IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Kết luận và kiến nghị.

## I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

### 1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

#### 1.1. Điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên:

##### 1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

###### a. Vị trí địa lý:

Huyện Tư Nghĩa là huyện đồng bằng cách trung tâm của tỉnh (Thành phố Quảng Ngãi) khoảng 5 km và cách Khu kinh tế Dung Quất 40 km về phía Nam, được giới hạn bởi sông Trà Khúc ở phía Bắc và sông Vệ ở phía Nam, có các giới cận:

- Phía Tây giáp: Huyện Sơn Hà.
- Phía Nam giáp: Huyện Nghĩa Hành và huyện Minh Long.
- Phía Bắc giáp: Thành phố Quảng Ngãi và huyện Sơn Tịnh.
- Phía Đông giáp: Thành phố Quảng Ngãi và huyện Mộ Đức.

Với tuyến quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua, đồng thời nằm trong vùng ảnh hưởng của Khu kinh tế Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa có điều kiện thuận lợi cho việc khai thác những thế mạnh về tiềm năng đất đai, lao động, giao lưu trao đổi hàng hóa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài,... Tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoà nhập vào xu thế phát triển chung của tỉnh và khu vực miền Trung - Tây nguyên.

###### b. Địa hình, địa mạo:

Huyện Tư Nghĩa có các loại địa hình như núi, gò đồi, đồng bằng. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và nghiêng dần xuống triền sông Trà Khúc với ba dạng địa hình chính:

- Dạng địa hình đồi núi trung bình ở phía Tây Nam của huyện, có độ cao từ 150 - 250 m, chiếm 23,80% tổng diện tích toàn huyện. Địa hình đồi núi cao có độ dốc tương đối lớn, lớp phủ thực vật kém nên khả năng xói mòn mạnh. Dạng địa hình này phân bố ở các xã Nghĩa Sơn và một phần ở xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận.

- Dạng địa hình đồi núi thấp phía Tây Bắc, có độ cao trung bình từ 15 - 25 m so với mực nước biển, chiếm 34,80% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã: Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Điền. Trong khu vực địa hình này có nhiều cánh đồng bằng nhỏ xen kẽ tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa các loại hình sản xuất nông lâm nghiệp.

- Dạng địa hình đồng bằng nằm phía Đông Nam, có độ cao trung bình từ 2 - 5 m, chiếm 41,40% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã và thị trấn còn lại.

**c. Khí hậu:**

**Bảng 1: Đặc điểm thời tiết, khí hậu huyện Tư Nghĩa**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đồng bằng	Vùng núi
1. Nhiệt độ trung bình	C	25,9	22,2
2. Lượng mưa trung bình	m	2.772	2.850
3. Lượng bốc hơi	m	1.220	1.210
4. Độ ẩm tương đối	%	83	85
5. Thời gian xuất hiện sương mù	Tháng	Tháng giêng - tháng ba	Tháng giêng -tháng tư

Huyện Tư Nghĩa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nền nhiệt độ cao (nhiệt độ trung bình ở đồng bằng là 25,9<sup>0</sup>C, vùng núi là 22,2<sup>0</sup>C) và ít biến động, mưa nhiều. Chế độ ánh sáng, mưa, ẩm phong phú gồm 2 tiểu vùng khí hậu là vùng đồng bằng và vùng núi. Nền nhiệt độ vùng núi thường thấp hơn vùng đồng bằng, thời gian xuất hiện sương mù ở vùng núi cũng muộn hơn vùng đồng bằng.

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao nhất từ tháng 3 đến tháng 8 (cao nhất là các tháng 6, 7, 8). Nhiệt độ tối cao là 35-38<sup>0</sup>C. Nhiệt độ thấp nhất là khoảng 12,5<sup>0</sup>C vào tháng 11 đến tháng 12 và tháng 1 năm sau.

- Tổng số giờ nắng khoảng 2.343 giờ/năm.

- Lượng mưa trung bình năm ở đồng bằng là 2.772 mm, vùng núi là 2.850 mm và phân bố không đồng đều trong năm. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, lượng mưa chiếm khoảng 70 - 80% tổng lượng mưa năm.

Nhìn chung, Tư Nghĩa có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, số giờ nắng trong năm khá cao, thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi. Tuy nhiên với lượng mưa lớn, lại tập trung theo mùa nên thường gây lũ lụt và ngập úng vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô, đất thường bị sa bồi ở khu vực đồng bằng và xói mòn rửa trôi ở khu vực đồi núi. Mặt khác, ảnh hưởng của các cơn bão từ Biển Đông đổ vào thường gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân cũng như ảnh hưởng đến giao thông, thủy lợi và sản xuất nông - lâm - thủy sản.

#### **d. Thủy văn:**

Địa hình Tư Nghĩa tạo nên mạng lưới sông suối khá dày đặc phân bố đều trên khắp các vùng trong huyện.

Các sông chính trong huyện là: Sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bàu Giang, sông Cây Bứa và các suối Đà Sơn, suối Tó, ... Ngoài ra còn có hệ thống kênh mương Thạch Nham và hệ thống kênh mương nội đồng bổ sung và dự trữ nguồn nước ngọt rất quan trọng, đặc biệt là vào mùa khô hạn.

Tuy nhiên do sông suối chảy qua huyện ngắn, dốc, lòng hẹp và nông, nên không đủ lưu vực thoát nước nhanh, lượng nước chảy xiết gây xói lở, thường xảy ra lũ lụt và ngập úng vào mùa mưa.

#### **1.1.2. Các nguồn tài nguyên:**

##### **a. Tài nguyên đất:**

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Viện nghiên cứu quy hoạch nông nghiệp, nông thôn dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu” năm 2021 thì huyện Tư Nghĩa gồm có 6 nhóm đất chính như sau:

\* Nhóm cồn cát và bãi cát ven sông:

Được phân bố ven hạ lưu sông Trà Khúc, Sông Vệ thành từng dải ven bờ tập trung ở các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Hiệp, TT Sông Vệ.

Loại đất này được hình thành do sự lắng đọng của phù sa tại đầu nguồn Sông Vệ đổ về.

\* Nhóm đất mặn ít trung bình: Loại đất này thuộc vùng cửa sông tiếp giáp với biển, ít chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nước biển, chủ yếu ở xã Nghĩa Hòa.

\* Nhóm đất phù sa (F1):

- Đất phù sa được bồi hàng năm (ký hiệu Pb)

Đất phù sa được bồi hàng năm được hình thành do sự bồi đắp của phù sa nhưng khác với các loại đất phù sa trong cùng nhóm là hàng năm do phân bố ở các bãi thấp ven sông nên vẫn bị ngập lụt, mỗi lần ngập lụt khi nước rút đi để lại một lượng phù sa. Lượng phù sa nhiều hay ít, lớp phủ dày hay mỏng phụ thuộc vào mức độ ngập lụt hàng năm và thời gian ngập lụt kéo dài. Tính chất vật lý cũng như hoá học của các đất phù sa không có sự khác biệt nhiều, đất có thành phần cơ giới nhẹ, tầng dày, độ phì tự nhiên khá, đất ít chua, độ bão hoà bazơ lớn. Đất chưa chịu ảnh hưởng của quá trình thoái hoá.

- *Đất phù sa glây (Pg)*

Đất phù sa glây cũng được hình thành do quá trình bồi tụ của phù sa sông nhưng do phân bố ở địa hình thấp hoặc trũng nên đọng nước quanh năm chủ yếu ở các xã như Nghĩa Trung, Nghĩa Điền, Nghĩa Mỹ.

- *Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf)*

Hình thành do sự bồi đắp của phù sa sông nhưng đã thoát ly quá trình bồi tụ, loại đất này đã chịu tác động của quá trình xói mòn, rửa trôi.

- *Đất phù sa ngòi suối:*

Hình thành do quá trình bồi tụ phù sa suối tạo thành những dải hẹp ven các suối ở các xã miền núi (Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng). Tuy nhiên do lòng suối nhỏ, khi mưa lớn, các bãi thấp bị ngập úng nhưng trong điều kiện tốc độ dòng chảy lớn, các vật liệu mịn bị cuốn theo dòng nước đi xa chỉ để lại vật liệu thô, rất ít phần tử mịn như sét. Các phần tử thô như cát, mảnh đá, viên cuội là những sản phẩm của các đồi núi hay thềm cao xô xuống.

\* Nhóm đất xám

- *Đất xám trên đá mác ma axit và đá cát (Xa)*

Đất được hình thành tại chỗ hay dốc tụ trên sản phẩm phong hóa của đá giàu thạch anh, nghèo sắt như granit, các loại đá cát như sa thạch, sạn kết, dăm cuội kết nhưng không còn mang đặc trưng của đất đỏ vàng và có màu xám hoặc xám hơi sáng là chủ đạo, không có tầng loang lỗ đỏ vàng hoặc tầng glây ở độ sâu 0-125 cm.

- *Đất xám bạc màu trên đá mác ma axit và đá cát (Ba)*

Đất được hình thành tại chỗ hay dốc tụ trên sản phẩm phong hóa của đá giàu thạch anh, nghèo sắt như granit, đá cát nhưng không còn mang đặc trưng của đất đỏ vàng nên có màu xám sáng là chủ đạo, xuống các tầng sâu hơi xám, không có tầng loang lỗ đỏ vàng hoặc tầng glây ở độ sâu 0-125 cm.

\* Nhóm đất đỏ vàng

- *Đất vàng đỏ trên đá granit (Fa)*

Đất được hình thành trên đá mẹ granit. Đây là loại đá mác ma axit có hàm lượng SiO<sub>2</sub> cao với trên 60%, khi phong hoá cho đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất mịn rất biến động trong điều kiện phân bố ở địa hình đồi núi dốc, đỉnh nhọn, chia cắt lớn nên đất chịu sự tác động mạnh của quá trình rửa trôi, xói mòn.

- *Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq)*

Đất được hình thành do quá trình phong hoá của sa thạch, quắc zít, dăm cuội kết... có màu chủ đạo là vàng nhạt và mang đặc trưng của nhóm đất đỏ vàng nên khác biệt với đất xám. Thành phần cơ giới thường là cát pha hoặc thịt nhẹ. Tầng đất mỏng, kết cấu kém.

- *Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp)*

Đất được hình thành từ sản phẩm bồi tích của phù sa sông kỷ đệ tứ nhưng do biến động về địa chất nên những loại đất này thường có địa hình gò đồi, lượn sóng nhẹ. Đất có quá trình tích lũy sắt nhôm điển hình nên cũng có đặc trưng của nhóm đất đỏ vàng và màu chủ đạo là màu nâu vàng.

\* Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá:

Đất được hình thành tại chỗ do sản phẩm phong hoá của các loại đá mẹ khác nhau nhưng dưới tác động của xói mòn, rửa trôi hiện nay độ dày tầng đất mịn chỉ còn nhỏ hơn 10 cm, dưới lớp đất mịn là đá được xếp vào đất xói mòn trơ sỏi đá. Nhóm đất này tương ứng với nhóm đất tầng mỏng (Leptosols) của FAO/WRB. Tuy nhiên, cần lưu ý nhóm tầng mỏng của FAO/WRB bao gồm cả đất có tầng <30 cm.

Đất xói mòn trơ sỏi đá là loại đất có vấn đề, phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau nhưng đa phần là đồi hoặc núi, không còn rừng, chủ yếu là cỏ, cây bụi.

(Nguồn: Báo cáo “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu; Điều tra, phân hạng đất lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi”)

**b. Tài nguyên nước:** Nước là nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của quốc gia.

\* Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt của huyện Tư Nghĩa khá dồi dào được cung cấp bởi hệ thống các sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bàn Giang, sông Cây Bứa và các suối Đà Sơn, suối Tó, kênh chính Nam chảy qua. Nguồn nước trên địa bàn huyện được điều tiết bởi kênh chính Nam cùng với việc đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thuỷ lợi phục vụ tưới tiêu nên cơ bản đã giải quyết được nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.



**\* Nguồn nước ngầm:**

Tư Nghĩa là nơi có nguồn nước khá phong phú, mực nước ngầm có độ sâu từ 2 - 4 m, thuận tiện cho việc đào giếng lấy nước sạch phục vụ sinh hoạt nhân dân trong vùng.

**c. Tài nguyên rừng:**

Diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 5.944,37 ha. Trong đó, rừng sản xuất có diện tích 3.427,57 ha, rừng phòng hộ có diện tích 2.516,8 ha.

Rừng phòng hộ hiện còn chủ yếu trên địa hình núi, độ dốc lớn. Trong rừng chủ yếu là cây lấy gỗ và củi, các loại cây đặc sản và động vật quý hiếm hầu như không còn. Thảm thực vật mỏng, chủ yếu là rừng tái sinh và tầng cây cỏ bụi.

Trong những năm qua huyện đã quan tâm thực hiện quản lý sử dụng đất rừng và giao đất trồng rừng cho người dân quản lý, chăm sóc nhằm tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân.

**d. Tài nguyên nhân văn:**

Lịch sử hình thành vùng đất và con người Tư Nghĩa gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Quảng Ngãi và vùng Nam Trung Bộ. Với những nét văn hoá đặc sắc, các dân tộc sinh sống ở Tư Nghĩa đã tạo nên một nền văn hoá phong phú, đa dạng và đặc sắc.

Quảng Ngãi trước đây vốn là một trong những trung tâm tiếp nhận và truyền bá phật giáo của miền Trung, vì vậy ở đây có nhiều ngôi chùa được xây dựng từ rất sớm mang những nét đặc trưng riêng của khu vực mà hiện nay còn tồn tại (Chùa Ông ở xã Nghĩa Hoà được xây dựng từ năm 1812), có ý nghĩa rất lớn về mặt lịch sử cũng như tôn giáo.

Với sự chiến đấu, hy sinh anh dũng của các anh hùng trong công cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc đã hình thành nên các địa danh như Hang quân giới ở xã Nghĩa Thọ, địa điểm 4 dũng sỹ diệt Mỹ ở xã Nghĩa Hiệp...,

**e. Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng:**

Tài nguyên khoáng sản của Tư Nghĩa rất hạn chế, hiện nay chưa có điều tra nghiên cứu cụ thể.

Tài nguyên vật liệu xây dựng chủ yếu gồm cao lanh, đất sét, đá granit, cát, sỏi là cơ sở cho sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng công trình.

- Cao lanh: Trữ lượng khoảng 2 triệu m<sup>3</sup>, phân bố ở các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận, Nghĩa Thắng; hàng năm có thể khai thác từ 5 - 10 nghìn m<sup>3</sup>, làm nguyên liệu sản xuất sứ công nghệ, dân dụng, giấy...

- Đất sét: Trữ lượng khoảng 6 triệu m<sup>3</sup>, phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn (trừ xã Nghĩa Sơn), với chất lượng tốt thích hợp sản xuất gạch chịu lửa, gạch ngói và gốm dân dụng.

- Đá granit: Trữ lượng khoảng 200 nghìn m<sup>3</sup>, phân bố ở các xã Nghĩa Phương, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thọ, thị trấn La Hà, chủ yếu làm vật liệu xây dựng.

- Đá xây dựng, dùng để làm vật liệu xây dựng, đá rải đường với trữ lượng lớn tập trung ở xã Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thọ.

- Nước khoáng: Điểm nước khoáng nóng Nghĩa Thuận, tổng độ khoáng hóa 713 mg/l, lưu lượng 20 l/s, có triển vọng khai thác nước khoáng quy mô công nghiệp và sản xuất điện địa nhiệt.

Về triển vọng xây dựng nhà máy điện địa nhiệt, khu vực nước khoáng nóng thuộc xã Nghĩa Thuận được đánh giá có nhiều tiềm năng và triển vọng đứng thứ hai sau Thạch Trụ thuộc tỉnh Quảng Ngãi, có thể xây dựng nhà máy điện địa nhiệt trong số 6 nơi có tiềm năng được lựa chọn thuộc các tỉnh miền Trung Việt Nam.

*(Nguồn: Báo cáo Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Tư Nghĩa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025)*

## **1.2. Phân tích hiện trạng môi trường.**

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội là sức ép lên môi trường: Khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lượng chất thải ra môi trường ngày càng nhiều và đa dạng, nguy cơ gây ô nhiễm ngày càng cao. Có thể đánh giá chung về thực trạng môi trường ở huyện Tư Nghĩa như sau:

### **1.2.1. Môi trường không khí:**

Các cụm công nghiệp ngày càng mở rộng và phát triển với quy mô lớn. Nếu không có biện pháp kiểm soát thích hợp thì đây chính là nguồn gây ô nhiễm môi trường trong tương lai. Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí tại huyện Tư Nghĩa thuộc loại sạch. Môi trường không khí các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa bị ô nhiễm bởi các khí độc ( $CO$ ,  $SO_x$ ,  $NO_x$  ...) do quy mô sản xuất còn nhỏ chủ yếu thu hút các ngành sản xuất sạch, ít ảnh hưởng đến

môi trường. Các nguồn thải vào môi trường không khí từ các cơ sở sản xuất mang tính cục bộ, các giá trị đo được đều thấp, do đó mức độ ảnh hưởng đến môi trường không khí thấp, không đáng kể. Bên cạnh đó giao thông vận tải cũng góp phần làm suy giảm chất lượng môi trường.

### **1.2.2. Môi trường nước:**

- *Nước ngầm*: Qua khảo sát nước ngầm tầng nông và tầng sâu cho thấy hàm lượng các chất ô nhiễm và hàm lượng khoáng chất nằm trong giới hạn cho phép.

- *Nước mặt*: Nhìn chung chất lượng nguồn nước của các sông suối đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên nước thải từ hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và nước thải phát sinh ra trong hoạt động khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nước thải sinh hoạt của dân cư chứa nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, nhiều kim loại và nhiều loại dung môi hữu cơ khác thải vào nguồn nước mặt mà chưa được xử lý, gây ô nhiễm cục bộ trên địa bàn.

### **1.2.3. Môi trường đất và vấn đề suy thoái tài nguyên rừng:**

- Quỹ đất và chất lượng đất giảm sút, hiện tượng thoái hóa, bạc màu xảy ra khá phổ biến do quá trình canh tác còn chưa hợp lý, đặc biệt là trên đất dốc.

- Hàng năm, đất đai bị sạt lở ở địa bàn các xã miền núi như Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn; các xã ven sông như Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp. Hiện tượng xói mòn, rửa trôi, khô cạn, đất bị nhiễm độc, thoái hóa do nạn chặt phá rừng, sản xuất thiếu đầu tư khoa học kỹ thuật.

- Lượng tồn dư của thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật và phân bón vào môi trường đất ngày càng tăng làm giảm đa dạng sinh học và xuất hiện một số loài kháng thuốc. Chất lượng phân bón không đảm bảo, các loại phân bón N - P - K, hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng do các cơ sở nhỏ lẻ sản xuất trôi nổi trên thị trường không đảm bảo chất lượng đăng ký, đóng gói không đúng khối lượng đang là những áp lực chính cho môi trường đất.

- Khai thác tài nguyên rừng chưa thực sự gắn liền với đầu tư phục hồi tài nguyên và môi trường, diện tích rừng trong 5 năm qua tăng mạnh nhưng chất lượng rừng còn hạn chế, độ dày tán che thấp, diện tích đất rừng chưa có tán che còn lớn.

### **1.2.4. Môi trường nông nghiệp và nông thôn:**

Trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ xen lẫn với các hoạt động nông nghiệp nông thôn. Một phần

diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhường chỗ cho các cụm công nghiệp, làng nghề, các tuyến giao thông vận tải và các công trình cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, đô thị. Môi trường khu vực nông thôn có nhiều thay đổi và đứng trước nguy cơ ô nhiễm, xuống cấp về chất lượng. Ngoài ra còn bị ảnh hưởng của một số vấn đề sau:

- Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật chưa hợp lý và ngày càng tăng đã ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng.

- Điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn chưa được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch còn thấp. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là giếng khơi, giếng tự khoan, giếng đất và sông suối. Tình trạng khan hiếm nước ở các vùng cao vào mùa khô vẫn còn xảy ra.

- Một số địa phương, nhất là các vùng miền núi, dân cư chưa có thói quen sử dụng nhà vệ sinh; chăn nuôi gia súc, gia cầm còn thả rông dẫn đến bệnh dịch lây lan nhanh, gây ô nhiễm môi trường.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:*

+ Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng: bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây. Một số hộ nông dân thường sử dụng làm chất đốt, hầu hết rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, tận dụng làm thức ăn cho gia súc. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ Chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc: Bao gồm phân gia súc, gia cầm. Chất thải chăn nuôi được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh.

### **1.2.5. Môi trường khu vực đô thị và sản xuất công nghiệp:**

Trong tương lai sản xuất công nghiệp phát triển và sự bùng nổ giao thông cơ giới, sẽ gây tiếng ồn, bụi và làm phát sinh một lượng lớn chất thải, trong đó các chất thải nguy hại ngày càng gia tăng.

Hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn gây ảnh hưởng tới môi trường như là: Tích tụ các hóa chất độc, kim loại nặng, làm chua hóa, chai cứng đất, ... Ngoài ra các hoạt động khác của đô thị như sinh hoạt, du lịch, xây dựng đô thị, bệnh viện, ... cũng gây ra ô nhiễm nếu các chất thải, nước thải không được thu gom và xử lý. Chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu phát sinh từ:

+ Cụm công nghiệp: Trên địa bàn hiện có 01 Cụm công nghiệp La Hà, diện tích 21 ha với 16 cơ sở đang hoạt động với các ngành nghề như chế biến gỗ, sản xuất bê tông, muối, viên nén sinh học... Trong quá trình hoạt động chủ yếu phát sinh bụi, khí thải, nước thải và chất thải rắn. Các loại chất thải phát sinh của các cơ sở được thu gom, xử lý bảo đảm theo quy định. Ước tính, khối lượng rác thải sinh hoạt của Cụm công nghiệp phát sinh khoảng 354kg/ngày, khối lượng rác thải này được thu gom, xử lý, chất thải rắn công nghiệp được tái sử dụng 100%.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Có 325 cơ sở được phê duyệt, xác nhận hồ sơ bảo vệ môi trường, có khoảng 160 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp cơ bản như chế biến gỗ, sản xuất bê tông, xi măng, may mặc, giấy, khai thác đất, cát, cơ khí...và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, không có cơ sở nào hoạt động công nghiệp nặng như khai thác than, quặng, luyện kim, sản xuất phân bón.

+ Trên địa bàn huyện khoảng 2.023 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ đang hoạt động phân tán trong khu dân cư với các ngành nghề khác nhau, các cơ sở này đã thực hiện và lập hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường theo nội dung Quy chế, hương ước của UBND xã trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

### **1.3. Đánh giá chung.**

#### ***1.3.1. Những thuận lợi, lợi thế:***

Tư Nghĩa là một huyện nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Ngãi có tuyến quốc lộ 1, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và đường sắt Bắc - Nam đi qua là điều kiện thuận lợi cho huyện thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời huyện nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng trọng điểm kinh tế miền Trung như: Khu kinh tế Dung Quất, khu kinh tế mở Chu Lai, cảng biển Sa Kỳ, khu công nghiệp dịch vụ đô thị Vsip Quảng Ngãi... và thành phố Quảng Ngãi. Với vị trí khá thuận lợi trên là điều kiện quan trọng để Tư Nghĩa phát triển kinh tế năng động và đa dạng.

- Với diện tích tự nhiên tương đối lớn, tài nguyên đất đai phong phú, địa hình đa dạng thích hợp cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp như trồng các loại cây lương thực, hoa màu và chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa. Đặc biệt là huyện nằm trong vùng lưu vực Sông Trà Khúc và Sông Vệ với hệ thống thủy lợi Thạch Nham thuận tiện trong việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Tiềm năng đất lâm nghiệp tương đối lớn chiếm khoảng 28,91% tổng diện tích tự nhiên, đây là điều kiện để phát triển các loại cây nguyên liệu chế biến gỗ, giấy và các loại cây công nghiệp dài ngày.

- Về tài nguyên khoáng sản huyện có một số loại có trữ lượng lớn như đá xây dựng, cát sỏi, đặc biệt có suối nước khoáng ở Nghĩa Thuận. Đây cũng là tiềm năng cho ngành công nghiệp khai khoáng trong tương lai.

- Tài nguyên nhân văn phong phú, nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị, nổi tiếng nhiều thắng cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển ngành dịch vụ - du lịch như: Khu du lịch suối Mơ, khu du lịch suối nước nóng, điểm du lịch Thạch Nham,...

### **1.3.2. Khó khăn, hạn chế:**

- Là huyện ven biển nên hàng năm phải chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các cơn bão. Về mùa mưa lũ các vùng hạ lưu Sông Vệ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Mỹ thường bị ngập úng nên phần nào cũng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tài nguyên khoáng sản hạn chế, chủ yếu là khai thác đất, đá làm vật liệu xây dựng nên gây ảnh hưởng đến việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện.

- Hệ thống các sông, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

## **2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.**

### **2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:**

Tình hình kinh tế của huyện trong năm qua tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng lớn đến từ tình dịch bệnh và bão lũ xảy ra nên một số chỉ tiêu không đạt Nghị quyết HĐND đề ra.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất 9,6%, bằng 58% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện giao. Trong đó: công nghiệp, xây dựng tăng 19,3%; thương mại, dịch vụ tăng 0%; nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,0%.

Tổng giá trị sản xuất cả năm (giá so sánh năm 2010) ước đạt 13.706 tỷ đồng, bằng 93,9% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện giao. Trong đó: Công nghiệp, xây dựng: 6.995 tỷ đồng; Thương mại, dịch vụ: 5.055 tỷ đồng; Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 1.656 tỷ đồng.

Tổng giá trị sản xuất cả năm (giá hiện hành) ước đạt 17.587 tỷ đồng, bằng 94,1% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện giao. Trong đó: Công nghiệp, xây dựng: 9.039 tỷ đồng; Thương mại, dịch vụ: 6.286 tỷ đồng; Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 2.292 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng chiếm 51,4%; Thương mại, dịch vụ, chiếm 35,7%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12,9%.

## **2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:**

### **1. Công nghiệp - Xây dựng**

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng (giá so sánh năm 2010) ước thực hiện cả năm 5.326 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm trước, đạt 65,6% kế hoạch.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp ước thực hiện cả năm 2.112 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 5,4% so với năm trước, đạt 90,8% kế hoạch.

### **2. Thương mại - Dịch vụ**

Giá trị thương mại, dịch vụ (giá so sánh năm 2010) ước thực hiện cả năm 5.390 tỷ đồng, tăng 1,4% so với năm trước, đạt 91,1% so với kế hoạch.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ ước thực hiện cả năm 4.406 tỷ đồng, tăng 5% so với năm trước, đạt 87,4% so với kế hoạch.

### **3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản (giá so sánh năm 2010) cả năm ước thực hiện 1.346 tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm trước, đạt 78,1% so với Nghị quyết HĐND huyện giao.

#### **a) Trồng trọt**

*\* Các loại cây đạt và vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết*

- Cây lúa: Gieo cấy lúa với diện tích 7.816,2 ha, năng suất 65,5 tạ/ha, sản lượng 51.213,1 tấn, đạt 101,3% so với Nghị quyết HĐND huyện và Kế hoạch tỉnh giao.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng là 1.000 ha, năng suất 61,5 tạ/ha, sản lượng 6.150 tấn, đạt 100 % kế hoạch.

- Cây lạc: Diện tích gieo trồng 570 ha, năng suất 23,1 tạ/ha, sản lượng 1.317 tấn, đạt 105,5% so với kế hoạch.

- Cây đậu các loại: Diện tích gieo 235 ha, năng suất 19,6 tạ/ha, sản lượng 460 tấn, đạt 102,2% so với kế hoạch.

- Cây rau các loại: Diện tích gieo trồng là 1.360 ha, năng suất 195 tạ/ha, sản lượng 26.520 tấn, đạt 100,7% so với kế hoạch.

\* Các loại cây chưa đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết

- Cây mỳ: Diện tích cây mỳ đến nay đã trồng được là 880ha (trong đó: diện tích bị nhiễm bệnh là 414,00 ha, cụ thể: nhẹ 132 ha, trung bình 130, nặng 152 ha), năng suất 200 tạ/ha, sản lượng 17.600 ha, đạt 48,9% so với kế hoạch.

#### b) Chăn nuôi

Trong năm 2021, trên địa bàn huyện xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò và long mồm, lở móng ở gia súc tại một số địa phương; các bệnh thông thường xảy ra ở vật nuôi và nhỏ lẻ tại các địa phương đã được bao vây dập tắt, không để lây lan diện rộng. Các bệnh nguy hiểm khác như tai xanh ở lợn, cúm gia cầm ổn định, không phát hiện ca bệnh nào. Tính đến thời điểm báo tổng số ca bệnh được phát hiện và tổ chức phòng trị là 3.828 ca. Tổng đàn gia súc ước đạt 102.950/112.850 con, đạt 91,2% so với Nghị quyết HĐND huyện giao, trong đó: Đàn trâu 4.650 con, đàn bò 24.100 con, đàn lợn 74.200 con; Tổng đàn gia cầm khoảng 964.000 con.

#### c) Lâm nghiệp

UBND huyện đã ban hành một số văn bản chỉ đạo về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng (gọi tắt là PCCCR) và quản lý lâm sản. Đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, PCCCR và quản lý lâm sản năm 2020; triển khai nhiệm vụ năm 2021 trên địa bàn huyện (Hội nghị diễn ra vào ngày 10/6/2021). Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền tập trung về công tác quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR trên địa bàn huyện; Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ PCCCR cho lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ ở các xã có rừng trên địa bàn huyện. Đã tổ chức tuần tra 30 đợt, kiểm tra 20 đợt và truy quét 24 đợt.

- Tổng diện tích đất có rừng: 7.415,18 ha. Trong đó:

+ Rừng trồng đã thành rừng: 5.161,53 ha (Rừng tự nhiên: 2.304,17 ha; Rừng trồng: 2.857,36 ha);

+ Rừng trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 2.253,65 ha.

\* Diện tích trồng rừng Qui hoạch 3 loại rừng: Rừng phòng hộ: 2.265 ha (100%); Rừng sản xuất: 3.520 ha (100%);



- Sản lượng gỗ khai thác: 50.707,2 ha (126,9%).

d) Thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 143,57/144 tấn, đạt 99,7% kế hoạch năm, giảm 49,18% so với cùng kỳ (143,5/282 tấn). Diện tích nuôi trồng 137,5/120 ha, đạt 114,6%. Nguyên nhân: Đợt 1, do vi khuẩn vibrio có trong môi trường ao nuôi, kết hợp thời tiết thay đổi đột ngột, mưa lớn vào ngày 6-7/4/2021 làm thay đổi môi trường ao nuôi. Đợt 2, thời tiết nắng nóng liên tục kéo dài, tôm bỏ ăn, chậm lớn, buộc nhiều hộ nuôi ở Nghĩa Hòa phải chịu lỗ thu hoạch sớm.

### **2.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và an sinh xã hội:**

Dân số trung bình huyện Tư Nghĩa năm 2020 là 128.895 người. Dân cư phân bố theo lãnh thổ không đồng đều, mật độ dân số bình quân toàn huyện là 628,76 người/km<sup>2</sup>, đa số tập trung ở vùng đồng bằng. (theo số liệu Niên giám thống kê năm 2020 huyện Tư Nghĩa)

UBND huyện tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 như sau: thăm và tặng quà từ nguồn của Trung ương, tỉnh, huyện cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đối tượng bảo trợ xã hội, với tổng kinh phí là 4.950.800.000 đồng (trong đó quà của huyện là 216.500.000 đồng). Tiếp nhận và cấp phát 2.593 suất quà bằng hiện vật của UBND tỉnh tặng cho các đối tượng người có công thuộc diện thụ hưởng. Cấp phát 23.400 kg gạo đỏ lửa cho các xã, thị trấn.

Tiếp nhận và tổ chức thăm tặng quà, chúc thọ người cao tuổi nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 trên địa bàn huyện với tổng kinh phí là 332.580.000 đồng và 406 suất quà.

Tổ chức mua và cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc của 02 xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 gồm các mặt hàng bột ngọt, nước mắm, dầu ăn, kịp thời đến tay đối tượng với tổng kinh phí là 139.857.000 đồng.

Tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2021) như: thăm và tặng quà của Trung ương, tỉnh, huyện cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng với tổng kinh phí là 3.346.900.000 đồng (trong đó quà của huyện là 222.100.000 đồng).

Thực hiện gói hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ cho người lao động do ảnh hưởng dịch Covid - 19. UBND huyện đã thực hiện

hỗ trợ cho lao động ngừng việc và lao động tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương với tổng kinh phí 138.010.000 đồng, cho 32 lao động (bao gồm lao động đang mang thai và nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi).

Các chính sách cho đối tượng nghèo và bảo trợ xã hội được thực hiện đảm bảo chế độ, định mức và kịp thời. Nhờ vậy, đời sống của người dân từng bước được ổn định và nâng lên, công tác giảm nghèo tiếp tục phát huy hiệu quả.

Hoàn thành chương trình nhập số liệu giảm nghèo năm 2021.

#### **2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội:**

**2.4.1. Giao thông vận tải:** Hệ thống giao thông của huyện những năm qua được củng cố, nâng cấp và nhựa hóa với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

**a. Đường sắt:** Trên địa bàn huyện có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua các xã Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ với tổng chiều dài trên 10 km.

**b. Đường bộ:** Mạng lưới giao thông đường bộ của huyện Tư Nghĩa khá hoàn thiện, đường ô tô đã đến được tất cả các xã, thị trấn. Cụ thể như sau:

- Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa đi qua 04 xã, thị trấn là La Hà, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương và Sông Vệ với chiều dài tuyến là 7,41 km. Tuyến đang được nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp II đồng bằng với nền đường rộng 23m, mặt đường rộng 20m. Trong đó, đoạn qua đô thị Thị trấn La Hà và Sông Vệ được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị với tổng chiều dài 3,81 km;

- Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi trên địa bàn huyện Tư Nghĩa đi qua 04 xã (xã Nghĩa Kỳ; xã Nghĩa Điền; xã Nghĩa Trung; xã Nghĩa Thương).

- Đường tỉnh qua địa bàn huyện Tư Nghĩa gồm các tuyến ĐT623B, ĐT624 và ĐT628 với tổng chiều dài đi qua địa phận của huyện là 24,32 km. Ba tuyến đường tỉnh này đóng vai trò giao thông đối ngoại của huyện, nối huyện Tư Nghĩa với Thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận.

+ Tỉnh lộ ĐT624 (Quảng Ngãi - Ba Động) có chiều dài đoạn đi qua huyện Tư Nghĩa là 2,09 km. Chất lượng đường trung bình, đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, nền đường rộng 7,5m, mặt đường 5,5m rải nhựa.

+ Tỉnh lộ ĐT628 (Quốc lộ 1A - Sơn Kỳ) đi qua địa phận huyện Tư Nghĩa có chiều dài 2,83 km. Chất lượng đường trung bình, đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, có nền đường rộng 9 m, mặt đường BTXM rộng 7 m.

+ Tỉnh lộ ĐT623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) đi qua địa phận huyện Tư Nghĩa có chiều dài 19,40 km Sơn Hạ, huyện Sơn Hà. Chất lượng đường tốt, đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, có nền đường rộng 9,0m, mặt đường BTXM rộng 7,0 m. Riêng đoạn qua các xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm có nền rộng 7,5m; mặt đường láng nhựa rộng 5,5m.

- Đường huyện Tư Nghĩa gồm 20 tuyến với tổng chiều dài là 100,91 km, trong đó láng nhựa và bê tông hóa được 87,61 km, còn lại 13,3 km là đường đất.

+ Đường huyện ĐH21(Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn): Tổng chiều dài tuyến là 7,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH22( Đường Nghĩa Thắng - Nghĩa Thọ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH22B (Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM dài 1,23 km, còn lại 4,77 km láng nhựa, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH22C (Đường Nghĩa Thọ - Đèo Chim Hút): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4.8 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH23 (Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thắng): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 9,1 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH23B (Đường Nghĩa Kỳ - Quảng Phú): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,2 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH24 (Đường La Hà - Nghĩa Thuận): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 12,1 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH24B (Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 5,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, đã BT hóa được 1,4 km, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH25 (Đường UBND huyện - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, đã BT hóa được 1,3 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH25B (Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Trung): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,52 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH26 (Đường Sông Vệ - Hòa Vinh Tây): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,3 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH26B (Đường Sông Vệ - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,6 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, đã BTXM được 1,1 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH26C (Đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH27 (Đường La Hà - Nghĩa Hiệp): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,3 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH27B (Đường Sông Vệ - Nghĩa Thương): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,4 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH28 (Đường La Hà - Thu Xà): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,1 km (đã cắt 2,02 Km về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa đã bê tông hóa được 0,66 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH28C (Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa An): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,18 km (đã cắt 320m về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH29 (Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Hà): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 1,41 km (đã cắt 1,89 km về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH30 (Đường Bàu Giang - UBND xã Nghĩa Trung): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH30B (Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 5,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, chất lượng đường xấu.

*Huyện có 03 đường chuyên dùng với tổng chiều dài là 7,2 Km gồm:*

+ Đường chuyên dùng ĐCD01 (QL1A - Cụm CN La Hà): Chiều dài tuyến là 1,2 km cấp kỹ thuật của đường là cấp đường Khu công nghiệp. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường chuyên dùng ĐCD02 (Nghĩa Kỳ - Nghĩa địa Tp. Quảng Ngãi): Chiều dài tuyến là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường chuyên dùng ĐCD03 (Tỉnh lộ ĐT623B - Suối nước nóng Nghĩa Thuận): Chiều dài tuyến là 2,0 km. cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

Đường xã và trục thôn của huyện Tư Nghĩa gồm có 130 tuyến, với tổng chiều dài là 79,87 km. Trong đó: Láng nhựa và bê tông hóa được 58,13 km, còn lại 21,74 km là đường đất. Các đường ngõ xóm và nội đồng trên địa bàn có tổng chiều dài ước khoảng 575,6 km, hầu hết vẫn còn là đường đất, cấp phối chất lượng thấp. Ước khoảng hơn 20% đường ngõ xóm được cứng hóa.

*(Nguồn: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tư Nghĩa)*

#### **2.4.2. Thủy lợi:**

Hệ thống thủy lợi huyện Tư Nghĩa tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Hiện có 33 công trình thủy lợi chính, trong đó: 04 hồ chứa, 02 đập dâng, 13 trạm bơm với tổng diện tích tưới thiết kế 3.160 ha (diện tích thực tế 1.622 ha); và 07 công trình đê, kè. Bên cạnh đó là các tuyến kênh chính, cấp I, cấp II, cấp II và kênh nội đồng, trong đó khoảng 245 km kênh cấp III với 78km đã được kiên cố hóa, và 487 km kênh nội đồng (khoảng 2km đã được kiên cố hóa),

Những năm vừa qua, toàn huyện thực hiện đầu tư xây dựng mới 03 công trình, nâng cấp sửa chữa 02 công trình thủy lợi phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp tại các xã, cụ thể: Xây dựng hệ thống mương tiêu Đồng miếu và chỉnh dòng sông Cầu Cát, đoạn Nghĩa Thương - Nghĩa Phương (chiều dài 3044 m),

kênh NCV2, xã Nghĩa Lâm (chiều dài 7043m), hệ thống tiêu úng Bàu Nhá - Bàu Giang, xã Nghĩa Điền (chiều dài 4900m); Nâng cấp kiên cố hóa Kênh N8-5A, xã Nghĩa Trung (chiều dài 2313m), kiên cố hóa Kênh N16-15, xã Nghĩa Hiệp (chiều dài 3248m).

Tuy nhiên, tình trạng thiếu vốn đầu tư cho công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình, một số tồn tại trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình, đồng thời tình hình mưa lũ diễn biến phức tạp với tần suất và cường độ ngày càng cao đã khiến nhiều công trình bị hư hại và xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo vận hành ổn định theo năng lực thiết kế.

*(Nguồn: Báo cáo Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Tư Nghĩa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025)*

#### **2.4.3. Bưu chính viễn thông:**

Bưu chính - viễn thông được quan tâm đầu tư, phát triển với nhiều loại hình dịch vụ viễn thông phong phú, chất lượng phục vụ được nâng lên. Hệ thống bưu điện văn hóa xã tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động. Hiện nay 100% xã, thị trấn đã phủ sóng điện thoại di động, thông tin liên lạc đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, tuy nhiên do số lượng trạm còn ít nên tình trạng nghẽn mạng vào giờ cao điểm vẫn xảy ra.

#### **2.4.4. Giáo dục và Đào tạo:**

Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong ngành. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học; thực hiện có hiệu quả yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2020-2021 góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học và kết thúc năm học trước ngày 20/5/2021 để đảm bảo an toàn về sức khỏe cho học sinh, giáo viên công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn đảm bảo an toàn, đúng quy chế.

Có 14/14 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt tỷ lệ 100% phổ cập giáo dục THCS, chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Có 37/53 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 69,8% (Trong đó: 12/17 trường Mầm non (70,6%); 12/19 trường Tiểu học (63,2%); 10/13 trường Trung học cơ sở (76,9%), 3/4 trường Trung học phổ thông (75%)).

## **2.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội:**

Trong năm 2021 tình hình kinh tế - xã hội của huyện gặp không ít khó khăn, thách thức: Kinh tế có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng thấp do bị tác động rất lớn từ dịch bệnh Covid-19; dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người nông dân,... Tình trạng các cơ sở chăn nuôi, sản xuất kinh doanh xả thải gây ô nhiễm môi trường; một số vụ khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết kịp thời, dứt điểm; tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự vận tải còn diễn biến phức tạp; công tác quản lý việc khai thác tài nguyên khoáng sản còn hạn chế,...

### **2.5.1. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

#### **a) Về lĩnh vực kinh tế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn, hạn chế, đặc biệt dưới tác động tiêu cực của dịch Covid-19, cụ thể:

- Số thu của một số lĩnh vực không đạt dự toán giao như: Thu thuế ngoài quốc doanh (chỉ đạt 75,1% dự toán); thu phí, lệ phí (chỉ đạt 81,8% dự toán); thu tiền thuê mặt đất, nước (chỉ đạt 87% dự toán); tiền sử dụng đất (chỉ đạt 80%).

- Sản xuất nông nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thiếu ổn định do tác động của dịch bệnh và giá cả thị trường. Ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi; bệnh lở mồm long móng, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò xảy ra ở diện rộng.

- Chất lượng cải thiện môi trường đầu tư một số mặt còn hạn chế, một số kiến nghị của doanh nghiệp chưa được giải quyết dứt điểm. Vướng mắc về cơ chế thu hồi đất, việc cho thuê đất chưa có sự thống nhất, số lượng hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, giải thể tăng so với cùng kỳ.

- Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn bất cập, nhất là về quy hoạch, đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Vẫn còn xảy ra tình trạng khai thác trái phép một số loại khoáng sản như đất, cát, sỏi,... vấn đề vệ sinh môi trường liên quan đến vận chuyển, xử lý rác thải ở một số địa phương chưa được giải quyết dứt điểm; tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp.

- Công tác giải ngân nhìn chung vẫn còn chậm, nguyên nhân chính vẫn là vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cũng đã gây khó khăn trong quá trình triển khai thi công.

b) Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

- Dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, người lao động tạm ngừng công việc hoặc mất việc làm có nguy cơ tăng. Các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp nhiều khó khăn hơn, có nguy cơ tái nghèo cao và tăng tỷ lệ hộ nghèo trong thời gian tới.

- Nhiều sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phải hủy hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện.

**2.5.2. Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân khách quan: Thời tiết diễn biến khó lường, dịch bệnh gia súc như: Tả lợn Châu phi, lở mồm long móng, bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò bùng phát; dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc (*giá đất tái định cư, giá đất cụ thể*); một số người dân có sự trông chờ việc điều chỉnh chủ trương, so bì, khiếu nại; đây là nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến chậm tiến độ thi công các dự án trên địa bàn huyện.

- Nguyên nhân chủ quan: Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, địa phương thực hiện chưa nghiêm; mối quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu đồng bộ, chưa nhịp nhàng nên thời gian thực hiện một số nhiệm vụ được giao còn kéo dài, hiệu quả chưa cao; một số cán bộ, công chức, viên chức, chưa chủ động tham mưu, thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực mình phụ trách.



## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

### 2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 và các công trình thực hiện trong năm 2021 của UBND huyện Tư Nghĩa thì cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 15.860,43 ha, chiếm 77,14% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 4.402,41 ha, chiếm 21,41% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 297,96 ha, chiếm 1,45% tổng diện tích tự nhiên.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện được đánh giá như sau:

**Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước**

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>20560,80</b>	<b>20560,80</b>		
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>15662,98</b>	<b>15860,43</b>	<b>197,45</b>	<b>101,26</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4037,57	4116,17	78,60	101,95
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3971,16	4049,76	78,60	101,98
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4519,47	4630,02	110,55	102,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1037,18	1038,88	1,70	100,16
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2516,80	2516,80		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3423,07	3427,57	4,50	100,13
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN		435,06	435,06	

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa*

1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	96,39	98,49	2,10	102,18
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	32,50	32,50	0,00	99,99
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4602,70</b>	<b>4402,41</b>	<b>-200,29</b>	<b>95,65</b>
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	86,98	82,48	-4,50	94,83
2.2	Đất an ninh	CAN	11,65	11,60	-0,05	99,56
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,52	16,82	-8,70	65,91
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	63,05	35,91	-27,14	56,95
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	19,95	19,95		100,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	59,09	59,49	0,40	100,68
<b>2.9</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</b>	<b>DHT</b>	<b>2023,74</b>	<b>1964,20</b>	<b>-59,54</b>	<b>97,06</b>
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>812,19</i>	<i>752,04</i>	<i>-60,15</i>	<i>92,59</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>471,44</i>	<i>467,73</i>	<i>-3,71</i>	<i>99,21</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>4,13</i>	<i>4,33</i>	<i>0,20</i>	<i>104,84</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,16</i>	<i>4,18</i>	<i>0,02</i>	<i>100,41</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>78,21</i>	<i>75,08</i>	<i>-3,13</i>	<i>96,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>26,28</i>	<i>27,80</i>	<i>1,52</i>	<i>105,78</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,50</i>	<i>1,40</i>	<i>-0,10</i>	<i>93,33</i>

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa*

-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,50	0,47	-0,03	94,80
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	1,85	1,70	-0,15	91,89
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,63	21,63	0,00	100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,52	12,52	0,01	100,05
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	585,06	588,05	2,99	100,51
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		3,00	3,00	
-	Đất chợ	DCH	4,26	4,26		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,44	11,44	0,00	99,48
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	10,27	12,14	1,87	118,21
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1161,52	1062,97	-98,55	91,52
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	149,57	140,01	-9,56	93,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,46	11,23	-0,23	98,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,63	1,63	-3,00	35,12
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	9,38	9,38	0,00	99,99
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	915,68	922,43	6,75	100,74
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	38,46	40,42	1,96	105,09
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,32	0,32	0,00	100,95
<b>3.</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>295,12</b>	<b>297,96</b>	<b>2,84</b>	<b>100,96</b>

Tổng số công trình, dự án thực hiện trong năm 2021 là 67 công trình/251,89 ha. Trong 67 công trình, dự án có 55 công trình thuộc khoản 3 Điều 62 Luật đất đai (trong đó có 6 công trình bổ sung) và 12 công trình không thuộc khoản 3 điều 62 và khoản 1 điều 58 Luật đất đai (trong đó có 2 công trình bổ sung). Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tư Nghĩa như sau:

- Danh mục công trình, dự án thu hồi đất thực hiện trong năm 2021 (*khoản 3 Điều 62 Luật đất đai*) được phê duyệt: 55 công trình/217,77 ha (trong đó: Kế hoạch sử dụng đất 2015 là 01 công trình; kế hoạch 2017 là 10 công trình, kế hoạch 2018 là 05 công trình, kế hoạch 2019 là 19 công trình, kế hoạch 2020 là 10 công trình, kế hoạch 2021 là 10 công trình). Kết quả thực hiện đến cuối năm 2021 là 15/58 công trình (40,14/251,89 ha) hoàn thành công tác giao đất, cho thuê đất trong năm 2021, ngoài ra có 10 công trình đã giao đất đợt 1 với diện tích 56,44 ha, đạt 43,10% so với tổng số công trình thực hiện trong năm 2021, đạt 44,35% so với diện tích. Đồng thời, chuyển tiếp 36 công trình đang trong giai đoạn kiểm kê, lập phương án bồi thường, thu hồi đất một phần dự án, đã thu hồi đất nhưng chưa lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất sang kế hoạch năm 2022 để tiếp tục thực hiện. Công trình không tiếp tục thực hiện 04 công trình: Cải tạo lưới điện tiếp nhận các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điền, Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm và Đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp vì chủ đầu tư không triển khai thực hiện, Khu đô thị Thiên Phúc và Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền) theo Quyết định 929/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý các Quyết định của UBND tỉnh: số 1129/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 và số 666/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 về Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Nam Trường Chinh.

- Danh mục công trình, dự án không thuộc khoản 3 điều 62 và khoản 1 điều 58 Luật đất đai được phê duyệt: 12 công trình/34,12 ha. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2021 là 06/12 công trình (14,96/34,12 ha) đạt 50,0% so với tổng số công trình thực hiện trong năm 2021, đạt 43,85% so với diện tích. Ngoài ra chuyển tiếp 04 công trình đang trong giai đoạn kiểm kê, lập thủ tục thỏa thuận chuyển nhượng sang năm 2022 để tiếp tục thực hiện; không tiếp tục thực hiện 02 công trình: Khu vực căn cứ chiến đấu mô phỏng Nghĩa Phương, Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 2 vì chủ đầu tư quá 03 năm không triển khai thực hiện.

Như vậy, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện tính đến cuối năm 2021 có 21 công trình, dự án hoàn thành, 40 công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022 để tiếp tục thực hiện (trong đó có 10 công trình, dự án đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần còn lại xin tiếp tục thực hiện để lập các thủ tục tiếp theo), 06 công trình không tiếp tục thực hiện.

### **2.1.1. Đất nông nghiệp:**

So với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt 15.662,98 ha, diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến 31/12/2021 là 15.860,43 ha, tăng 197,45 ha. Cụ thể kết quả thực hiện các loại đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch được duyệt là 4.037,57 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 4.116,17 ha, tăng 78,60 ha.

Trong năm 2021, kế hoạch sử dụng đất chuyển 94,81 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 16,21 ha, đạt 17,10% kế hoạch.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng lúa chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do các công trình, dự án chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa; KDC trung tâm xã Nghĩa Trung; Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa; Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 2); Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền); Khu dân cư Gia An, xã Nghĩa Kỳ, KDC du lịch suối nước khoáng nóng Nghĩa Thuận, Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa... Các công trình này xây dựng với quy mô lớn và các dự án khu dân cư đầu tư ngoài ngân sách còn vướng mắc cơ chế nên chưa thực hiện hoàn thành được các thủ tục đất đai.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 4.519,47 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 4.630,02 ha, tăng 110,55 ha.

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do các công trình, dự án chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm sang mục đích khác: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) giai đoạn 2, Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bà Giang - Cầu Mới, Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền),...và 63,0 ha chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân chưa được thống nhất phê duyệt trong danh mục chuyển mục đích sử dụng đất...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.037,18 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 1.038,88 ha, tăng 1,70 ha. Diện tích trong năm 2021 tăng là do chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang mục đích khác: *Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham),...*

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2.516,80 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 2.516,80 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch được duyệt là 3.423,07 ha, thực hiện đến 31/12/2021 toàn huyện có 3.427,57 ha, tăng 4,5 ha. Diện tích trong năm 2021 tăng là do chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang mục đích khác (*Căn cứ chiến đấu mô phỏng Nghĩa Phương*).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch được duyệt là 96,39 ha, thực hiện đến 31/12/2021 diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện có 98,49 ha, tăng 2,1 ha. Diện tích trong năm 2021 tăng là do chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản sang mục đích khác (*Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (mở rộng)*).

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 32,50 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện đất nông nghiệp khác có 32,50 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

### **2.1.2. Đất phi nông nghiệp:**

Diện tích kế hoạch được duyệt là 4.602,70 ha, thực hiện đến 31/12/2021 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.402,41 ha, giảm 200,29 ha so với kế hoạch. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 86,98 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 82,48 ha, giảm 4,5 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm là do không thực hiện công trình Căn cứ chiến đấu mô phỏng Nghĩa Phương.

- Đất an ninh: Diện tích kế hoạch được duyệt là 11,55 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 11,60 ha, tăng 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong năm kế hoạch không thực hiện công trình đất an ninh. Tuy nhiên, diện tích tăng 0,05 ha do thống kê đất đai năm 2020 cập nhật số liệu hiện trạng Nhà làm việc công an xã Nghĩa Sơn.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 25,52 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 16,82 ha, giảm 8,70 ha so với kế hoạch được duyệt, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm là do chưa thực hiện xong công trình Mở rộng cụm công nghiệp La Hà.

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích kế hoạch được duyệt là 63,05 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 35,91 ha, giảm 27,14 ha, đạt 56,95% so với kế hoạch được duyệt. Trong năm kế hoạch thực hiện xong các công trình như: Cửa hàng xăng dầu Thiên Long (Thị trấn La Hà); Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa, Cơ sở cung ứng giống Hoàng Châu, Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh, Trung tâm bảo trì và sửa chữa ô tô Thảo Thịnh, Khu sinh thái nghỉ dưỡng tắm bùn suối nước nóng Nghĩa Thuận,... Tuy nhiên diện tích giảm là do chưa thực hiện được các công trình: Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (phần mở rộng), Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa, Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Phát Đạt, Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát,... và dự án Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 2 không tiếp tục thực hiện.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 19,95 ha, thực hiện đến 31/12/2021 trên địa bàn huyện có 19,95 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích kế hoạch được duyệt là 59,09 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 59,49 ha, tăng 0,4 ha. Diện tích trong năm 2021 tăng là do chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sang mục đích khác (*Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Phát Đạt*).

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích kế hoạch được duyệt là 2.023,74 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 1.964,20 ha, giảm 59,54 ha, đạt 97,06% so với kế hoạch được duyệt. Trong năm kế hoạch thực hiện xong một số công trình, dự án: *Khu nghĩa Trang Nhân dân thị trấn Sông Vệ (Điểm Gò Nhuệ - Gò Kê), Khắc phục sạt lở bờ Sông Vệ (đoạn cuối thị trấn Sông Vệ giáp xã Nghĩa Hiệp), Cầu phủ thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà huyện Tư Nghĩa đi Nghĩa Hành, Nhà lưu niệm Nhà thơ Bích Khê,...* Tuy nhiên, diện tích trong năm 2021 chưa đạt là do chưa thực hiện hoàn thành các công trình, dự án như: *Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) giai đoạn 2, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa, Kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Sông Vệ, Trường tiểu học và trung học cơ sở thị trấn La Hà, Trường mầm non Nghĩa Kỳ,...*

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích thực hiện đến 31/12/2021 là 11,44 ha, đạt 100% kế hoạch. Trong năm kế hoạch đã thực hiện xong công trình Nhà Văn hóa thôn Vạn An 3 (xã Nghĩa Thương).

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 10,27 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 12,14 ha, tăng 1,87 ha. Diện tích tăng là do thực hiện theo quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt phân diện tích đất công viên cây xanh trong Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm công nghiệp La Hà;...

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.161,52 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 1.062,97 ha, giảm 98,55 ha. Diện tích đất ở chưa đạt là do trong năm kế hoạch chưa thực hiện hoàn thành các khu dân cư như: *KDC trung tâm xã Nghĩa Trung; Khu dân cư nông thôn mới Gia An xã Nghĩa Kỳ; Khu dân cư Nam Bàu Giang (Nghĩa Trung), Khu dân cư nông thôn mới An Hòa xã Nghĩa Trung, Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền), các khu tái định cư trên địa bàn huyện và phân diện tích chuyển mục đích sang đất ở 61,0 ha của hộ gia đình, cá nhân chưa được thống nhất phê duyệt trong danh mục chuyển mục đích sử dụng đất...*

- Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch được duyệt là 149,57 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 140,01 ha, giảm 9,56 ha. Diện tích giảm là do trong năm kế hoạch chưa thực hiện các khu dân cư như: *Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 2); Khu dân cư Nam Bàu Giang; Khu dân cư phía tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa; ...và 2,0 ha chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân chưa được thống nhất phê duyệt trong danh mục chuyển mục đích sử dụng đất.*

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch được duyệt là 11,46 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 11,23 ha, tăng 0,23 ha. Diện tích tăng do thực hiện bổ sung công trình Trụ sở UBND xã Nghĩa Thương, đạt 100% kế hoạch.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt là 4,63 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 1,63 ha, giảm 3,00 ha. Trong năm kế hoạch không đăng ký thực hiện công trình xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp. Tuy nhiên, diện tích giảm do điều chỉnh lại loại đất của Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ngãi tại xã Nghĩa Kỳ (chuyển sang đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội).

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 9,38 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 9,38 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.



- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích kế hoạch được duyệt là 915,68 ha, thực hiện đến 31/12/2021 có 922,43 ha, tăng 6,75 ha. Diện tích tăng là do chưa thực hiện công trình lấy từ loại đất này: Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích kế hoạch được duyệt là 38,46 ha, thực hiện đến 31/12/2021 toàn huyện có 40,42 ha, tăng 1,96 ha. Diện tích tăng là do chưa thực hiện công trình lấy từ loại đất này: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn IIa), Khu dân cư Nam Bàu Giang,...

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt là 0,32 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,32 ha, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

### **2.1.3. Đất chưa sử dụng:**

Diện tích kế hoạch được duyệt là 295,12 ha, thực hiện đến 31/12/2021 toàn huyện có 297,96 ha, tăng 2,84 ha, chưa đạt kế hoạch đề ra. Diện tích tăng là do chưa thực hiện công trình lấy từ loại đất này: *Cụm công nghiệp La Hà, Khu dân cư nông thôn mới Gia An xã Nghĩa Kỳ, Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa,...*

### **2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.**

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện đã đạt được một số các chỉ tiêu sử dụng đất quan trọng, góp phần đẩy mạnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện, của Tỉnh. Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đất đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Qua kết quả đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện cho thấy một số chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp như:

- Đối với diện tích đất nông nghiệp: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm không đạt được chỉ tiêu kế hoạch do nhiều dự án khu dân cư có trong năm kế hoạch lấy từ các loại đất này chưa thực hiện hoàn thành trong năm 2021. Tuy nhiên, đa số những công trình lấy từ các loại đất này có quy mô lớn, cần nhiều thời gian để thực hiện việc kiểm kê, lập phương án bồi thường.

- Đối với diện tích đất phi nông nghiệp: Một số chỉ tiêu loại đất chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch như: Đất cụm công nghiệp, đất thương mại dịch

vụ, đất ở đô thị, đất ở nông thôn,... Đa số các dự án khu dân cư đều bị vướng các cơ chế nên chưa triển khai được các thủ tục đất đai, xây dựng.

### **2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.**

Qua so sánh, phân tích kết quả giữa thực hiện và các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất còn nhiều các chỉ tiêu kế hoạch không đạt. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm sau để thực hiện.

- Một số địa phương chưa thực sự coi trọng công tác kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên tập trung chỉ đạo cho công tác này còn hạn chế, nhất là UBND các xã.

- Tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, các nguồn thu từ đất và đấu giá đất sụt giảm, không đạt chỉ tiêu nguồn thu đầu vào. Trong khi đó, kinh phí đầu tư để thực hiện các công trình quá lớn mà nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế, chưa bố trí vốn kịp thời để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, dẫn đến chậm tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc như:

+ Trong năm 2021, trên địa bàn huyện Tư Nghĩa có nhiều công trình quan trọng đang được triển khai thi công, những dự án này đều có diện tích đất và tài sản trên đất cần phải giải phóng mặt bằng tương đối lớn. Trong quá trình thực hiện công tác kiểm đếm đền bù ngay tại cơ sở, ngoài những vướng mắc thường gặp như việc xác minh nguồn gốc đất, giải quyết tranh chấp đất đai, còn xuất hiện nhiều vướng mắc mới phát sinh và liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân nên gặp rất nhiều khó khăn.

+ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn do chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập, có một số hộ dân trong vùng dự án chưa đồng thuận nên các cấp chính quyền phải vận động, giải thích.

+ Công tác bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng của các Dự án còn chậm. Nhiều đơn vị chủ đầu tư chưa chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công tác xây dựng khu tái định cư để bố trí cho các hộ dân, chưa chuẩn bị

đủ các điều kiện về quỹ tái định cư... để tổ chức thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng.

+ Các dự án thực hiện có nguồn vốn ngoài ngân sách (*Đặc biệt là các dự án khu dân cư được UBND tỉnh chỉ định, quyết định chủ trương đầu tư*) còn nhiều vướng mắc liên quan đến việc sử dụng đất công, tài sản công; vướng mắc cơ chế, chính sách pháp luật còn chòng chéo, chưa rõ ràng và chưa có sự thống nhất giữa Luật Đất đai với Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch, Luật Lâm nghiệp,... Mặc dù công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ bản đã thực hiện xong nhưng chưa lập được hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất.

- Thủ tục hành chính trong việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn phức tạp.

Trong năm 2021 còn 40 công trình, dự án chưa thực hiện được phải chuyển tiếp qua thực hiện năm 2022. Các công trình, dự án này gây áp lực rất lớn trong việc bố trí vốn và nhân lực để thực hiện trong năm 2022.

### III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### 3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

##### 3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm trước có 40 công trình/181,18 ha chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang kế hoạch năm 2022 để tiếp tục thực hiện, cụ thể:

\* Đất cụm công nghiệp:

- Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa 8,73 ha tại thị trấn La Hà và xã Nghĩa Thương.

\* Đất thương mại dịch vụ:

- Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (mở rộng) 2,12 ha tại xã Nghĩa Hòa;  
- Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa 8,70 ha tại xã Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp.

- Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Phát Đạt 2,60 ha tại xã Nghĩa Thương;

- Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát;

\* Đất giao thông:

- Đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Hành (giai đoạn 2), huyện Tư Nghĩa 1,70 ha;

- Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2) 2,0 ha;

- Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) (giai đoạn 2+3) 16,88 ha;

- Đường từ UBND xã Nghĩa Kỳ đi đường La Hà - Nghĩa Thuận 3,50 ha tại xã Nghĩa Kỳ;

- Đường cụm Công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương 0,99 ha

\* Đất thủy lợi:

- Kè chống sạt lở Sông Phủ, huyện Tư Nghĩa 1,40 ha tại thị trấn La Hà;

- Kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Sông Vệ, Huyện Tư Nghĩa 3,5 ha.

- Kè bảo vệ bờ bắc sông Vệ đoạn hạ lưu cầu sông Vệ (QL1A) và đoạn Cầu đường sắt, tỉnh Quảng Ngãi 2,51 ha.

\* Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Trường tiểu học bán trú Thanh Bình 0,16 ha tại xã Nghĩa Kỳ.
- Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà 3,0 ha;
- Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ 0,59 ha.

\* Đất ở nông thôn:

- Hệ thống hạ tầng khu dân cư trực đường Bàu Giang - Cầu mới (8,79 ha)
- Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2 1,68 ha.
- Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2 1,37 ha.
- KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương 1,98 ha
- Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa 35,00 ha.
- Khu tái định cư xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa phục vụ GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa 2,33 ha.
- Khu tái định cư xã Nghĩa Hòa phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 2,10 ha.

\* Đất ở đô thị:

- Khu dân cư phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa thị trấn La Hà với diện tích 3,70 ha;
- Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ 0,8 ha.
- Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa 0,22 ha.

\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa 0,27 ha;
- Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Tư Nghĩa 0,2 ha

**3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân**

Nhu cầu sử dụng đất đăng ký thực hiện trong năm 2022 như sau:

\* Đất quốc phòng:

- Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa 4,48 ha.

\* Đất an ninh

- Nhà làm việc Công an xã Nghĩa Lâm 0,1 ha;

\* Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

- Nhà máy sản xuất Đường Glucose xã Nghĩa Lâm 1,20 ha.

\* Đất thương mại dịch vụ:

- Cửa hàng xăng dầu xã Nghĩa Thương 0,3 ha;

- Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa xã Nghĩa Thương 0,37 ha;

- Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 3 xã Nghĩa Trung 0,5 ha;

- Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm; Showroom trang trí nội thất và VLXD Trung Thiên Tâm xã Nghĩa Kỳ 0,95 ha;

- Khu du lịch sinh thái Bàu Sen xã Nghĩa Thắng 7,92 ha.

- Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Nghiêm Lợi xã Nghĩa Thương 7,0 ha.

- Cửa hàng xăng dầu xã Nghĩa Lâm 0,25 ha.

\* Đất giao thông:

- Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ đi Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh 1,00 ha;

- Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3) 5,60 ha.

- Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc) 5,48 ha.

\* Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:

- Trường THPT Chu Văn An - Xây dựng khu thể chất và các hạng mục phụ trợ 0,16 ha;

\* Đất ở nông thôn:

- Khu dân cư Bàu Sen xã Nghĩa Thắng 9,94 ha;

- Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Trung tâm xã Nghĩa Điền 17,37 ha;

- Khu đô thị Nam Khang tại xã Nghĩa Trung 72,00 ha;

- Khu đô thị Bàu Giang tại xã Nghĩa Trung 27,14 ha;

- Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền) 12,64 ha;

\* Đất ở tại đô thị:

- Khu dân cư chính trang đô thị tổ dân phố 2 TT La Hà 12,71 ha;

- Chính trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà 5,50 ha.

\* Đất năng lượng:

- Hoàn thiện lưới điện khu vực huyện Bình Sơn, Trà Bồng và Tư Nghĩa 0,02 ha.

\* Đất bãi thải, xử lý chất thải:

- Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách ly (bổ sung) 0,31 ha;

- Nhà máy xử lý rác thải xã Nghĩa Kỳ 5,50 ha

\* Đất sinh hoạt cộng đồng:

- Điểm tránh lũ cộng đồng xã Nghĩa Phương 0,02 ha;

\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

- Khu thể thao thôn Năng Tây 1 xã Nghĩa Phương 0,46 ha.

### 3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2021, các công trình chuyển tiếp từ năm 2019, 2020, 2021 sang thực hiện trong năm 2022 và công trình đăng ký mới trong năm 2022 của huyện Tư Nghĩa.

#### 3.2.1. Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp đầu năm 2022 là 15.860,43 ha, đến cuối năm 2022 là 15.591,26 ha, giảm 269,17 ha. Cụ thể:

\* Đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa đầu năm 2022 là 4.116,17 ha, đến cuối năm 2022 là 3.978,81 ha, giảm 137,36 ha (Diện tích giảm toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) do chuyển mục đích sử dụng sang đất quốc phòng 1,34 ha (Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa), đất cụm công nghiệp 4,77 ha (Mở rộng cụm CN La Hà), đất thương mại, dịch vụ 22,02 ha (Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa, Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm 1, Showroom trang trí nội thất và VLXD Trung Thiên Tâm, Cửa hàng bán lẻ Xăng

dầu Petro Dung Quất số 3, Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Nghiêm Lợi;...), đất phát triển hạ tầng 41,16 ha (Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc), đất giao thông trong các khu dân cư, Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3);...); đất khu vui chơi giải trí công cộng 21,86 ha (Đất công viên, cây xanh trong khu dân cư), đất ở nông thôn 40,85 ha ( Khu dân cư Bàu Sen, Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Trung tâm xã Nghĩa Điền; Khu đô thị Nam Khang; Khu đô thị Bàu Giang...); đất ở đô thị 5,16 ha (Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2, Chỉnh trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà ...); Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,2 ha (Trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Tư Nghĩa).

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3.978,81 ha.

\* Đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác đầu năm 2022 là 4.630,02 ha, đến cuối năm 2022 là 4.507,73 ha, giảm 122,29 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất quốc phòng 0,5 ha (Trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Nghĩa Kỳ), đất cụm công nghiệp 1,58 ha (Mở rộng cụm CN La Hà), đất thương mại, dịch vụ 10,21 ha (Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa, Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt), đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,05 ha (Nhà máy sản xuất Đường Glucose), đất phát triển hạ tầng 44,98 ha (Đường Nghĩa Thuận Nghĩa Thọ đi nghĩa trang liệt sỹ tỉnh, Trường tiểu học bán trú Thanh Bình, Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa, ...); đất sinh hoạt công đồng 0,01 ha (Điểm tránh lũ công đồng xã Nghĩa Phương), đất khu vui chơi giải trí công cộng 8,08 ha (Đất công viên, cây xanh trong khu dân cư), đất ở tại nông thôn 50,84 ha (Khu dân cư Bàu Sen, Khu đô thị Nam Khang, chuyển mục đích sang đất ở, Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Trung tâm xã Nghĩa Điền, ...); đất ở đô thị 6,04 ha (Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2, Chỉnh trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà ...).

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 4.507,73 ha.

\* Đất trồng cây lâu năm:

Đầu năm 2022 đất trồng cây lâu năm có diện tích 1.038,88 ha, cuối năm 2022 còn 1.032,79 ha, giảm 6,09 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất quốc phòng 1,22 ha (Trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Nghĩa Kỳ), đất



cụm công nghiệp 0,17 ha (*Mở rộng cụm CN La Hà*); đất thương mại dịch vụ 0,53 ha (*Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa*), đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,08 ha (*Nhà máy sản xuất đường Glucose*), đất phát triển hạ tầng 1,72 ha (*Đường Nghĩa Thuận Nghĩa Thọ đi nghĩa trang liệt sỹ tỉnh; Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) giai đoạn 2+3; Trường tiểu học bán trú Thanh Bình; ...*); đất ở tại nông thôn 1,22 ha (*Khu dân cư Bàu Sen, Chỉnh trang KDC Trung tâm xã Nghĩa Điền, ...*), Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,15 ha (*đất công viên, cây xanh trong khu dân cư*).

Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.032,79 ha.

**\* Đất rừng phòng hộ:**

Diện tích đất rừng phòng hộ trong kế hoạch năm 2022 không thay đổi so với hiện trạng là 2.516,80 ha.

**\* Đất rừng sản xuất:**

Đầu năm 2022 đất rừng sản xuất có diện tích 3.427,57 ha, cuối năm 2022 còn 3.426,25 ha, giảm 1,32 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất quốc phòng (*Trường bắn, thao trường huấn luyện xã Nghĩa Kỳ*).

Diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3.426,25 ha.

**\* Đất nuôi trồng thủy sản:**

Đầu năm 2022, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 98,49 ha, cuối năm 2022 còn 96,38 ha, giảm 2,11 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (*Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (mở rộng)*).

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 96,38 ha.

**\* Đất nông nghiệp khác:**

Diện tích đất nông nghiệp khác trong kế hoạch năm 2022 không thay đổi so với hiện trạng là 32,50 ha.

### **3.2.2. Đất phi nông nghiệp:**

Trong kỳ kế hoạch tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm giải quyết những tồn tại, khó khăn trong thực trạng, từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế các ngành trong huyện.

Diện tích đất phi nông nghiệp đầu năm 2022 là 4.402,41 ha, đến cuối năm 2022 là 4.674,98 ha, tăng 272,57 ha. Cụ thể:

**\* Đất quốc phòng:**

Đầu năm 2022 diện tích đất quốc phòng là 82,48 ha, đến cuối năm 2022 có 86,96 ha, tăng 4,48 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,34 ha; đất trồng cây hàng năm 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm 1,22 ha; đất rừng sản xuất 1,32 ha (Trường bản, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa)

Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 82,48 ha.

**\* Đất an ninh:**

Đầu năm 2022 diện tích đất an ninh là 11,60 ha, đến cuối năm 2022 có 11,70 ha, tăng 0,10 ha được lấy từ đất giáo dục. (Nhà làm việc Công an xã Nghĩa Lâm).

Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,60 ha.

**\* Đất cụm công nghiệp:**

Đầu năm 2022 diện tích đất cụm công nghiệp là 16,82 ha, đến cuối năm 2022 có 25,55 ha, tăng 8,73 ha được lấy từ đất trồng lúa 4,77 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,58 ha, đất trồng cây lâu năm 0,17 ha, đất phát triển hạ tầng 0,81 ha, đất ở nông thôn 0,02 ha, đất sông suối 0,24 ha; đất chưa sử dụng 1,14 ha. (Mở rộng cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương).

Diện tích đất cụm công nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 16,82 ha.

**\* Đất thương mại dịch vụ:**

Diện tích đất thương mại dịch vụ đầu năm 2022 là 35,91 ha, đến cuối năm 2022 là 86,95 ha, tăng 51,04 ha. Trong đó, diện tích thực tăng 51,31 ha được lấy từ đất trồng lúa 22,02 ha; đất trồng cây hàng năm khác 10,21 ha; đất trồng cây lâu năm 0,53 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,10 ha; đất phát triển hạ tầng 3,06 ha; đất ở tại nông thôn 1,29 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 7,92 ha; đất sông suối 4,17 ha, đất chưa sử dụng 0,01 ha. Diện tích tăng nhằm đăng ký thực hiện các công trình: Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (mở rộng), Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa, Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa, Showroom trang trí nội thất và VLXD Trung Thiên Tâm, Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm... Đồng thời, diện tích

thực giảm 0,27 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng trụ sở cơ quan (Trụ sở Viện kiểm sát huyện Tư Nghĩa).

Diện tích đất thương mại dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 35,64 ha.

\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đầu năm 2022 là 19,95 ha, đến cuối năm 2022 là 21,15 ha, tăng 1,20 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm 0,05 ha, đất trồng cây lâu năm 1,08 ha, đất hạ tầng 0,07 ha. Diện tích tăng nhằm thực hiện công trình: Nhà máy sản xuất đường Glucose.

Diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 19,95 ha.

\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm cuối năm 2022 là 59,49 ha không thay đổi so với hiện trạng.

\* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Đầu năm 2022 đất phát triển hạ tầng có 1.964,20 ha, đến cuối năm 2022 có 2.051,36 ha, tăng 87,16 ha. Trong đó, diện tích thực tăng lấy từ đất trồng lúa 41,16 ha; đất trồng cây hàng năm khác 44,98 ha; đất trồng cây lâu năm 1,72 ha; đất ở tại nông thôn 5,83 ha; đất ở tại đô thị 0,67 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,84 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,51 ha; đất chưa sử dụng 1,45 ha. Đồng thời diện tích thực giảm 13,48 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,1 ha; đất an ninh 0,1 ha; đất cụm công nghiệp 0,81 ha; đất thương mại dịch vụ 3,06 ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,07 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,72 ha; đất ở nông thôn 4,40 ha; đất ở tại đô thị 0,75 ha.

Diện tích đất phát triển hạ tầng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.950,72 ha.

\* Đất sinh hoạt cộng đồng:

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng đầu năm 2022 có 11,44 ha, cuối năm 2022 là 11,46 ha, tăng 0,02 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện công trình: Điểm tránh lũ cộng đồng xã Nghĩa Phương.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,44 ha.

\* Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng đầu năm 2022 có 12,14 ha, cuối năm 2022 là 44,25 ha, tăng 32,11 ha được lấy từ đất trồng lúa 21,86 ha, đất trồng cây hàng năm khác 8,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,15 ha, đất hạ tầng 1,72 ha để thực hiện các khu vui chơi giải trí trong khu dân cư.

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 12,14 ha.

\* Đất ở tại nông thôn:

Diện tích đất ở tại nông thôn đầu năm 2022 có diện tích 1.062,97 ha, đến cuối năm 2022 có 1.153,65 ha, tăng 90,68 ha. Trong đó thực tăng 98,03 ha lấy từ đất trồng lúa 40,85 ha; đất trồng cây hàng năm khác 50,84 ha; đất trồng cây lâu năm: 1,22 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha; đất phát triển hạ tầng 4,40 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha; đất chưa sử dụng 0,70 ha. Diện tích tăng nhằm đăng ký thực hiện các công trình như: KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương, chuyển mục đích sang đất ở, Khu dân cư Bàu Sen, Khu đô thị Nam Khang,... Đồng thời thực giảm 7,35 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,02 ha; đất thương mại dịch vụ 1,29 ha; đất phát triển hạ tầng 5,83 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,20 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.055,62 ha.

\* Đất ở tại đô thị:

Đầu năm 2022 đất ở tại đô thị có 140,01 ha, đến cuối năm 2022 có 151,30 ha, tăng 11,29 ha. Trong đó, diện tích thực tăng 11,96 ha lấy từ đất trồng lúa 5,16 ha; đất trồng cây hàng năm khác 6,04 ha; đất hạ tầng 0,75 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 0,01 ha. Diện tích tăng nhằm đăng ký thực hiện một số công trình như: Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2, Chỉnh trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà, chuyển mục đích sang đất ở,...Đồng thời, diện tích thực giảm 0,67 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 139,34 ha.

\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đầu năm 2022 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 11,23 ha, đến cuối năm 2022 có 11,69 ha, tăng 0,46 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,20 ha, đất thương

mại dịch vụ 0,27 ha để thực hiện công trình: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Trụ sở bảo hiểm huyện Tư Nghĩa.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,22 ha.

\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đến cuối năm 2022 có 1,63 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* Đất cơ sở tín ngưỡng:

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến cuối năm 2022 có 9,38 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đầu năm 2022 có 922,43 ha, đến cuối năm 2022 có 916,17 ha, giảm 6,26 ha, diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,24 ha và đất thương mại dịch vụ 4,17 ha, đất phát triển hạ tầng 1,84 ha, đất ở tại nông thôn 0,01 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 916,17 ha.

\* Đất có mặt nước chuyên dùng đầu năm 2022 có 40,42 ha, cuối năm 2022 là 31,98 ha, giảm 8,44 ha, diện tích giảm do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 7,92 ha (Khu du lịch sinh thái Bàu Sen), đất phát triển hạ tầng 0,51 ha, đất ở tại đô thị 0,01 ha.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 31,98 ha.

### **3.2.3. Đất chưa sử dụng:**

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện đầu năm 2022 là 297,96 ha, đến cuối năm 2022 còn 294,56 ha, giảm 3,40 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 1,14 ha; đất thương mại dịch vụ 0,01 ha, đất phát triển hạ tầng 1,45 ha; đất ở nông thôn 0,70 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,10 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng không thay đổi mục đích sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 294,56 ha.

### **3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 269,17 ha. Trong đó:
  - + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 137,36 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 122,29 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 6,09 ha;
  - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1,32 ha;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản 2,11 ha;

*(Chi tiết xem tại biểu 07/CH)*

### **3.4. Diện tích đất cần thu hồi**

#### **3.4.1. Đất nông nghiệp:**

Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi trong năm kế hoạch 2022 là 269,17 ha. Trong đó: đất trồng lúa 137,36 ha; đất trồng cây hàng năm khác 122,29 ha; đất trồng cây lâu năm 6,09 ha, đất rừng sản xuất 1,32 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,11 ha.

#### **3.4.2. Đất phi nông nghiệp:**

Đến cuối năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi để chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 36,48 ha. Trong đó: Đất thương mại dịch vụ 0,27 ha, đất phát triển hạ tầng 13,48 ha; đất ở tại nông thôn 7,35 ha; đất ở tại đô thị 0,67 ha; đất trụ sở cơ quan 0,01 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch suối 6,26 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 8,44 ha.

*(Chi tiết xem tại biểu 08/CH)*

### **3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng**

- Trong năm kế hoạch diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp là 3,40 ha. Trong đó: đất cụm công nghiệp 1,14 ha; đất thương mại dịch vụ 0,01 ha; đất phát triển hạ tầng 1,45 ha; đất ở nông thôn 0,70 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,10 ha.

*(Chi tiết xem tại biểu 09/CH)*

### 3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022

Danh mục công trình dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện là 60 công trình với tổng diện tích 350,22 ha. Trong đó:

\* Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2022 (khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) gồm có: 17 công trình; với tổng diện tích 182,77 ha. Trong đó:

- Công trình, dự án năm 2015, 2017, 2018, 2019 tiếp tục thực hiện trong năm 2022: 05 công trình/37,77 ha. Cụ thể:

+ Dự án Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới do Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi (gọi tắt là QISC) làm chủ đầu tư với tổng diện tích thực hiện dự án qua địa bàn xã Nghĩa Điền là 8,79 ha. Dự án này được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2015, chuyển tiếp thực hiện đến nay đã 7 năm. Tuy nhiên, chỉ mới thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất 5,59 ha; trong đó, được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất 1,01 ha (Quyết định số 510/QĐ-UBND; 511/QĐ-UBND ngày 25/8/2020). Từ năm 2019 đến nay, chủ đầu tư chưa triển khai công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và lập các hồ sơ có liên quan đối với phần diện tích còn lại. Dự án này thay đổi chủ đầu tư nên triển khai thực hiện chậm.

+ Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) giai đoạn 2 qua địa bàn xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm với tổng diện tích là 16,88 ha. Do diện tích bồi thường giải phóng mặt bằng lớn, ảnh hưởng nhiều đến nhà ở, vật kiến trúc. Hiện nay, dự án còn 43 trường hợp đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho dự án, trong đó: Đoạn qua địa bàn xã Nghĩa Thắng là 08 trường hợp và đoạn qua địa bàn xã Nghĩa Lâm là 35 trường hợp, với nguyên nhân là các hộ dân yêu cầu bố trí tái định cư, phát sinh tranh chấp, đi làm ăn xa, cho rằng đơn giá bồi thường thấp và có 10 thửa đất chưa thẩm định được bản đồ do chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động nên xin tiếp tục thực hiện qua năm 2022 để lập các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất theo quy định.

+ Kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa qua địa bàn 2 xã Sông Vệ, Nghĩa Mỹ với diện tích 3,5 ha: Dự án đã được giao đất đợt 1 với 2,50 ha. Hiện nay đang triển khai thi công, phần còn lại 1,0 ha còn vướng công tác bồi thường, GPMB.

+ Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa với diện tích 3,0 ha tại thị trấn La Hà: Dự án này đã thu hồi đất 1,98 ha. Hiện tại đang tiếp tục công tác bồi thường, GPMB phần còn lại.

+ Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa với diện tích 5,60 ha: Dự án này đã được giao đất 5,38 ha, phần diện tích còn lại 0,22 ha đang giải quyết vướng mắc công tác bồi thường và tái định cư.

- Công trình, dự án năm 2017, 2019 tiếp tục thực hiện giao đất trong năm 2022: 07 công trình/8,68 ha. Cụ thể:

+ Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2 với diện tích 1,68 ha: Dự án này đã có quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên còn 06 hộ dân chưa bàn giao mặt bằng với lý do giá bồi thường đất thấp và đề nghị được mua lô đất tái định cư theo suất đầu tư hạ tầng. Vì vậy, xin chuyển tiếp để tiếp tục giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và hoàn thành công tác giao đất cho công trình.

+ Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2 với diện tích 1,37 ha: Dự án còn 01 hộ dân không thống nhất nhận tiền, hộ dân chỉ bị thu hồi đất nông nghiệp nhưng yêu cầu được bố trí tái định cư. Vì vậy, xin chuyển tiếp để tiếp tục giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và hoàn thành công tác giao đất cho công trình.

+ Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông làm chủ đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017. Còn 10 hộ dân chưa nhận tiền, 7 trường hợp đã nhận tiền nhưng yêu cầu giao đất tái định cư, 3 trường hợp cản trở không cho thi công, xin chuyển tiếp để giải quyết tồn tại và trình giao đất.

+ Đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa do Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Tư Nghĩa làm chủ đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019. Dự án đã được giao đất đợt 1 với 1,63 ha. Hiện nay đang giải quyết công tác bồi thường, GPMB phần còn lại 0,99 ha.

+ KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương: Dự án đã được giao đất đợt 1 với 7,77 ha, hiện đang triển khai thi công, phần còn lại 1,98



ha do vướng công tác bồi thường, GPMB một số hộ dân chưa thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

+ Khu dân cư phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa: Phần diện tích còn lại xin tiếp tục thực hiện 0,3 ha đã được UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất. Tuy nhiên còn 15 hộ chưa thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

+ Nhà máy cấp nước sinh hoạt tỉnh Quảng Ngãi: Dự án đã thu hồi đất, do còn vướng mắc trong công tác bố trí 02 lô đất tái định cư, xin chuyển tiếp để lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất để kết thúc Dự án.

- Công trình cập nhật năm 2020, 2021 chuyển sang 2022: 17 công trình, dự án/65,29 ha.

\* Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 điều 62 và khoản 1 điều 58 Luật Đất đai gồm có: 14 công trình/58,78 ha. Trong đó:

- Công trình, dự án năm 2019 tiếp tục thực hiện trong năm 2022: 01 công trình/2,6 ha: Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt.

- Công trình cập nhật năm 2020, 2021 chuyển sang 2022: 03 công trình, dự án.

- Công trình đăng ký mới năm 2021: 10 công trình, dự án.

\* Công trình chuyển mục đích sang đất ở: Năm kế hoạch 2022 toàn huyện đăng ký 30,07 ha.

(Chi tiết tại phụ biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06,07 và biểu 10 kèm theo)

### **3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

#### **3.7.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:**

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Tư Nghĩa được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Nghị định 44/2014/CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về quy định giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024).

- Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh.

### **3.7.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 658.573.200.000 đồng (Sáu trăm năm mươi tám tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm ngàn đồng). Nguồn thu này chưa tính các khoản hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, doanh nghiệp và đóng góp của nhân dân.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 424.596.930.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng). Nguồn chi này chưa tính chi phí đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi như giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học,...

- Cân đối thu - chi: + 233.976.270.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Đ.giá (1.000 đ/m <sup>2</sup> )	Đ.giá (1.000 đ/ha)	Thành tiền (1.000 đ/ha)	Ghi chú
	<b>Dự kiến các nguồn thu:</b>				<b>658.573.200</b>	
1	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	66,81	508	5.080.000	339.394.800	Đồng bằng
		1,16	162	1.620.000	1.879.200	Miền núi
2	Thu từ giao đất ở tại đô thị	11,96	2497	24.970.000	298.641.200	
3	Thu từ thuê đất TMDV	51,04	32	320.000	16.332.800	Đồng bằng
		0,25	20	200.000	50.000	Miền núi
4	Thu từ thuê đất SKC, SKN	8,73	24	240.000	2.095.200	Đồng bằng
		1,20	15	150.000	180.000	Miền núi
5	Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gồm sỏi		27,00	270.000	0	(Giá đất*50%*2%/năm)

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Đ.giá (1.000 đ/m <sup>2</sup> )	Đ.giá (1.000 đ/ha)	Thành tiền (1.000 đ/ha)	Ghi chú
	<b>Dự kiến các khoản chi:</b>				<b>424.596.930</b>	
1	Chi cho thu hồi đất trồng lúa nước	136,36	42	420.000	57.271.200	Đồng bằng
		1,00	32	320.000	320.000	Miền núi
2	Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm còn lại	113,85	42	420.000	47.817.000	Đồng bằng
		8,44	32	320.000	2.700.800	Miền núi
3	Chi cho thu hồi đất trồng cây lâu năm	3,73	42	420.000	1.566.600	Đồng bằng
		2,36	32	320.000	755.200	Miền núi

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa*

4	Chi cho thu hồi đất rừng sản xuất, phòng hộ	1,32	20	200.000	264.000	Đồng bằng
		0,00	18	180.000	0	Miền núi
5	Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	2,11	35	350.000	738.500	Đồng bằng
			28	280.000	0	Miền núi
6	Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn	6,85	508	5.080.000	34.798.000	Đồng bằng
		0,50	162	1.620.000	810.000	Miền núi
7	Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị	0,67	2497	24.970.000	16.729.900	
8	Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp	269,17	32,30	969.000	260.825.730	(gấp 3 lần giá đất thu hồi)

## IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

### 4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

#### 4.1.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, hóa học,... đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu những khu vực đất có khả năng thoái hóa đất do hạn hán thì trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại kết hợp với quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, tăng độ màu mỡ của đất.

Khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo nâng cao độ phì của đất, bảo vệ tầng đất canh tác, ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất.

Tiến hành các giải pháp giảm thiểu sạt lở như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng yếu vào mùa mưa.

#### 4.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường và thích ứng với Biến đổi khí hậu

Xây dựng và thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường, kiên quyết không cho phép các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý chất thải, hệ thống thoát nước tại các khu, cụm công nghiệp. Kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nước, thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo qui định của pháp luật.

Nghiên cứu các loại giống cây trồng có khả năng chống chịu hạn hán, ngập úng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, coi quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa được quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bảo đảm khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa được. Điều tiết phân bổ nguồn lực bảo đảm lợi ích giữa các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương phát triển nông nghiệp; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng hóa tại địa phương có quỹ đất nông nghiệp lớn; cụ thể hóa chính sách và các biện

pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người sản xuất nông nghiệp yên tâm sản xuất.

- Các dự án có thu hồi đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng. Bố trí quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội phải ưu tiên quy hoạch tại những khu vực khả năng canh tác khó khăn, năng suất thấp.

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, hóa chất bảo vệ thực vật.

- Giám sát kỹ phần đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Tập trung ưu tiên ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng đưa vào sản xuất những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để khai thác tốt quỹ đất nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lựa chọn những giống có khả năng thích ứng cao với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

- Đầu tư xây mới và nâng cấp các công trình thủy lợi; xây dựng, cải tạo hệ thống trạm bơm điện, cống đầu mối, kiên cố hoá kênh mương, củng cố đê điều tăng cường khả năng chống lũ, thoát nước, bảo vệ sản xuất.

- Thực hiện việc đổi mới và đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên; phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị, xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên trên địa bàn huyện.

#### **4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.**

- Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương;

- Khuyến khích học nghề, truyền nghề cho lực lượng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tại các điểm, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện;

- Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp từ Trung ương, ngân sách tỉnh cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư tập trung, có trọng điểm vào các dự án nông nghiệp, công nghiệp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện thu chi ngân sách hợp lý, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

### **4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.**

Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm công bố công khai kế hoạch của huyện trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước xây dựng theo kế hoạch đầu tư trung hạn,... Xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư, ưu tiên thực hiện các dự án lớn, sử dụng nhiều lao động;

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại về vốn vay, miễn thuế thu nhập, ... khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quyền và nghĩa vụ trong việc sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ

chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của Nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhất là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật;

#### **4.4. Các giải pháp khác.**

##### ***4.4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách***

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ, đồng bộ đúng theo qui định Luật Đất đai và các văn bản Luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai, đầu tư, xây dựng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thực hiện công khai minh bạch các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án và quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra, giám sát;

- Quan tâm và giải quyết tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời thực hiện chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

##### ***4.4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật***

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học trong và ngoài ngành nhằm nâng cao tính khả thi của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công



nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra lập kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng mạng thông tin đất đai và kết nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh, huyện đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

## **V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa được phê duyệt tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tư Nghĩa được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 23/2/2021, Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 26/4/2021, Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 và Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 14/12/2021. Vì vậy, có thể đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các phòng ban, các dự án đầu tư, các dự án quy hoạch chuyên ngành và cân đối phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của địa phương đảm bảo chi tiết theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất. Do được tổng hợp đầy đủ các thông tin từ các cấp, các ngành, các phòng ban, đồng thời cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương và là căn cứ pháp lý để các ngành, các địa phương trên địa bàn huyện thực hiện các công trình dự án theo quy định.

### **2. KIẾN NGHỊ**

Để thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, UBND huyện Tư Nghĩa kính trình UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nhằm đưa công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng tốt hơn./.